

PHIẾU BÀI MÔN TOÁN LỚP 2

Mã: 2203

Thời gian làm bài: 30 phút

Ngày.....tháng.....năm ...

Họ và tên:.....Lớp:.....

Nhận xét của giáo viên:.....

Ôn tập

Bài 1. Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

1. Các thành phần của phép tính trừ lần lượt là:

A. Số bị trừ, số trừ, hiệu

B. Số trừ, hiệu, số bị trừ

C. Hiệu, số bị trừ, số trừ

D. Số trừ, số bị trừ, hiệu

2. Hiệu của 50 và 30 là

A. 20

B. 80

C. 10

D. 2

3. Tổng của 24 và 5 là

A. 79

B. 29

C. 21

D. 92

4. Số liền sau của số 99 là;

A. 97

B. 98

C. 99

D. 100

5. $86 - 41 = \dots$. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm là:

A. 54

B. 27

C. 45

D. 72

6. Số bị trừ là 18, số trừ là 10 thì hiệu là

A. 8

B. 28

C. 19

D. 80

7. Trong phép tính $34 + 3 = 37$. Số 37 được gọi là:

A. Tổng

B. Hiệu

C. Số hạng

D. Số lớn

8. Trong phép tính $63 - 2 = 61$. Số 2 được gọi là:

A. Số bị trừ

B. Số trừ

C. Hiệu

D. Số hạng

9. Trong phép tính $14 + 5 = 19$. Số 14 được gọi là:

A. Tổng

B. Hiệu

C. Số hạng

D. Số trừ

10. Hiệu của số 45 và số liền sau số 3 là:

A. 42

B. 41

C. 40

D. 43

Bài 2. Đặt tính rồi tính

$35 + 12$

+

$61 + 34$

+

$53 + 16$

+

$77 - 23$

-

$50 - 10$

-

$92 - 42$

-

Bài 3. Năm nay bố của Lan 39 tuổi, mẹ 33 tuổi, Lan 7 tuổi. Hỏi:

a) Mẹ kém bố bao nhiêu tuổi?

b) Bố hơn Lan bao nhiêu tuổi?



Bài giải

a)

=

 (tuổi)

b)

=

 (tuổi)

Đáp số: a) ... tuổi

b) ... tuổi

Bài 4. Biết số hạng thứ nhất là 23, số hạng thứ 2 là số liền trước của số 6. Tìm tổng của hai số đó.

Bài giải

Số liền trước của số 6 là số:

Tổng của hai số là:

=

Đáp số: ... tuổi